TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **105**/2022/HC-PT
Ngày 27 - 4 - 2022
V/v: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Cầu**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến,** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 34/2022/TLPT-HC ngày 07/3/2022 về việc *"Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1436/2022/QĐ-PT ngày 01/4/2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1963; địa chỉ: Số 463 Đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Hoàng Anh Ch; địa chỉ: Số 463 Đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền ngày 04/01/2022); có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: Số 01 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại Th - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; địa chỉ: 01 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đào Nam C - Chức vụ: Trưởng phòng quản lý và phát triển quỹ đất - Trung tâm phát triển

quỹ đất Đắk Lắk; địa chỉ: Số 81 Đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Bùi Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện là bà Bùi Thị T trình bày:*

Tại Bản án số 129/2020/HC-PT ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T về việc hủy Quyết định số 6050/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Quy hoạch chi tiết khu dân cư, địa điểm tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B đối với diện tích đất bị thu hồi 140,7m^2 của gia đình bà Bùi Thị T, thửa đất số 71, tờ bản đồ số 41 (cũ 01) tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 25/12/2020 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8969/QĐ-UBND về phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B. Theo Quyết định tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà T là 762.534.000 (đã làm tròn). Tuy nhiên, việc Ủy ban nhân dân thành phố B chỉ áp dụng giá đất ở 5.000.000đ/m^2 theo Quyết định số 37/2010/QĐ-UB ngày 31/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk để tính giá đất bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà T là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 74, khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 8969/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường theo loại đất ở đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành quyết định, cụ thể:

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường bằng việc giao đất tái định cư cho gia đình bà T khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố B không còn quỹ đất để bồi thường bằng việc giao đất tái định cư hoặc gia đình bà không thuộc trường hợp được bồi thường bằng giao đất tái định cư thì yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải lên phương án bồi thường bằng tiền và chi trả tiền chậm trả cho gia đình bà theo giá trị đất hiện nay theo đúng quy định của pháp luật.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:*

- Diễn biến quá trình sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ và khởi kiện của bà Bùi Thị T:

Hộ bà Bùi Thị T sử dụng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 41, diện tích 140,7m2 tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo hồ sơ kỹ thuật địa chính do Sở Tài nguyên và môi trường nghiệm thu ngày 16/6/2010 đất thuộc phạm vi thu hồi

đất để Nhà nước thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B.

Năm 2011, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 6045/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 về việc thu hồi đất nông nghiệp của bà Bùi Thị T; kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà Bùi Thị T được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6050/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 với số tiền 79.431.388 đồng.

Năm 2019, bà T không đồng ý với việc Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp nên đã có đơn khởi kiện được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm.

Năm 2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm và ban hành Bản án số 129/2020/HC-PT ngày 14/7/2020, buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo loại đất ở đúng quy định của pháp luật.

- Quá trình lập phương án điều chỉnh về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với bà Bùi Thị T (sau khi Bản án phúc thẩm số 129/2020/HC-PT ngày 14/7/2020 có hiệu lực):

Căn cứ bản án phúc thẩm, khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đã lập phương án điều chỉnh về thu hồi đất, điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Bùi Thị T, được Hội đồng thẩm định phương án bồi thường thành phố thống nhất thông qua và trình Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt với nội dung:

+ Về thu hồi đất: Điều chỉnh loại đất thu hồi của hộ bà Bùi Thị T từ đất nông nghiệp sang đất ở tại Quyết định số 8970/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về việc điều chỉnh thu hồi đất đối với hộ bà Bùi Thị T tại quyết định số 6045/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố B để xây dựng công trình: Quy hoạch khu dân cư, địa điểm: Tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B.

+ Về kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

Do bản án phúc thẩm buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo loại đất ở, nhưng không làm thay đổi tổng diện tích đất thu hồi (không phát sinh thu hồi đất mới tại thời điểm bản án có hiệu lực), chỉ thay đổi về loại đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, không tuyên hủy Quyết định thu hồi đất đã ban hành năm 2011, do đó việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8970/QD-UBND ngày 25/12/2020 về việc điều chỉnh thu hồi đất đối với hộ bà Bùi Thị T tại quyết định số 6045/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố B để xây dựng công trình: Quy hoạch khu dân cư, địa điểm: Tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B từ đất nông nghiệp sang đất ở là đúng quy định.

Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013: "Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.". Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố B đã áp dụng Quyết định số 37/2010/QĐ-UB ngày 31/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất năm 2011) với đơn giá đất ở là 5.750.000 đồng/m^2

để áp dụng bồi thường cho hộ bà Bùi Thị T. Từ đó, Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà T tại Quyết định số 8969/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về việc duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B với tổng kinh phí 762.534.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Trên cơ sở Quyết định ban hành Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đã thực hiện niêm yết công khai các quyết định nêu trên vào ngày 28/12/2020, đồng thời phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân phường T1 tổ chức chi trả tiền bồi thường cho hộ bà Bùi Thị T 03 lần vào các ngày 14, 20, 26/01/2021. Tuy nhiên, tại 03 buổi làm việc thì hộ bà Bùi Thị T không đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố B đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Bùi Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HCST ngày 27/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 42 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 74 và khoản 1 Điều 93 Luật đất đai năm 2013; Điều 4 và khoản 2 Điều 9 của Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

Tuyên hủy Quyết định số 8969/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, cho gia đình bà Bùi Thị T, thửa đất số 71, tờ bản đồ số 01 (41), địa chỉ tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B theo giá đất tại thời điểm thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải bồi thường bằng đất tái định cư và trả tiền chậm chi trả.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, thông báo quyền kháng cáo cho đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, người khởi kiện bà Bùi Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 09-02-2022, người khởi kiện bà Bùi Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Bà Bùi Thị T giữ nguyên các nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

[2] Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 8969/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B. Ngày 21/9/2021, bà Bùi Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu huỷ quyết định trên. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại các Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Bộ luật tố tụng Hành chính.

[4] Thực hiện dự án Quy hoạch khu dân cư tại Tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B theo Quyết định số 8970 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Hộ gia đình bà T bị thu hồi 140m^2 đất thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 41 (cũ 01) theo Quyết định số 6045 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà T không đồng ý nên khiếu nại và được giải quyết tại Bản án đã có hiệu lực số 129/2020/HC-PT ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, tuyên hủy Quyết định số 6050, buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ bà T theo loại đất ở đúng theo quy định của pháp luật. Ngày 25/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 8970/QĐ-UBND về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất đối với hộ bà T tại quyết định số 6045/QĐ-UBND. Cùng ngày 25/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 8969/QĐ-UBND về việc duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà T. Theo đó, hộ bà T được bồi thường bằng tiền với giá đất nông nghiệp và không được phê duyệt bồi thường bằng đất tái định cư nhưng bà T không có ý kiến hay khiếu nại gì về bồi thường bằng đất tái định cư. Mặt khác, tại thời điểm Nhà nước thực hiện việc kiểm kê, thu hồi đất năm 2011 thì hiện trạng thửa đất số 71, diện tích 140,7m^2 không có nhà ở trên đất, bà T có rào chắn xung quanh bằng lưới kẽm gai. Như vậy, hộ bà T không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất nên không bồi thường bằng giao đất tái định cư theo theo quy định tại Điều 4 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà T về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải bồi thường bằng giao đất tái định cho hộ bà T là đúng.

[4] Đối với việc Ủy ban nhân dân thành phố B thực hiện Tại thời điểm bồi thường năm 2020, giá trị đất theo quy định của pháp luật hiện hành (theo Bản án số 129 có hiệu lực pháp luật): Việc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường cho hộ bà T vào năm 2020 nhưng lại áp dụng Quyết định số 37/QĐ-UB ngày

31/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk để tính giá đất bồi thường cho hộ bà T là không phù hợp với pháp luật đất đai khi có nhiều sự biến động tăng giá đất tại địa phương. Hơn nữa, hộ bà T bị thu hồi đất từ năm 2011 nhưng đến nay mới tính giá đất bồi thường, lỗi thuộc Ủy ban nhân dân thành phố B đã xác định sai loại đất dẫn đến ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà T. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T để buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải bồi thường giá trị đất theo pháp luật tại thời điểm thực hiện bồi thường là đúng pháp luật (khoản 2 Điều 74, khoản 1 Điều 79 của Luật đất đai 2013; Điều 9 Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất). Ngoài ra, việc bà T yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải trả tiền chậm trả là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị T, chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Do đơn kháng cáo của bà Bùi Thị T không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị T. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HCST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Lắk. **Xử:**

Áp dụng khoản 2 Điều 42 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 74 và khoản 1 Điều 93 Luật đất đai năm 2013; Điều 4 và khoản 2 Điều 9 của Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

Tuyên hủy Quyết định số 8969/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, cho gia đình bà Bùi Thị T, thửa đất số 71, tờ bản đồ số 01 (41), địa chỉ tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B theo giá đất tại thời điểm thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải bồi thường bằng đất tái định cư và trả tiền chậm chi trả.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c, khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0017165 ngày 14/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do ông Hoàng Anh Chiến nộp thay). Bà Bùi Thị T đã nộp đủ án phí.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(27-4-2022)./.*

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu